

CHƯƠNG 4

PHÁP LUẬT

VỀ GIẢI QUYẾT TRANH

CHẤP TRONG KINH DOANH

Văn bản: Bộ luật tố tụng dân sự 2004; Pháp lệnh trọng tài thương mại 2003.

Chương 4:

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP KINH DOANH



I. Khái niệm chung về giải quyết tranh chấp trong hoạt động kinh doanh:

1. Định nghĩa:

Ở nước ta, trong cơ **chế quản lý tập trung**, bao cấp trước đây, các đơn vị kinh tế chủ yếu hoạt động theo chỉ tiêu, kế hoạch Nhà nước, các doanh nghiệp không được chủ động trong hoạt động sản xuất kinh doanh, nhà nước lo từ “đầu vào” và cả “đầu ra”.

Tranh chấp kinh tế khi đó là biểu hiện những mâu thuẫn nội bộ trong một nền kinh tế thống nhất nhưng chưa có sự phù hợp giữa quan hệ sản xuất với tính chất và trình độ lực lượng sản xuất.

Việc giải quyết tranh chấp kinh tế do **Trọng tài kinh tế**, một cơ quan chuyên môn do Nhà nước lập ra để giải quyết tranh chấp hợp đồng kinh tế, xử lý vi phạm hợp đồng kinh tế và thực hiện quản lý Nhà nước trên lĩnh vực hợp đồng kinh tế theo qui định pháp luật.

Trong nền kinh tế thị trường, cùng với sự tham gia của **nhiều thành phần kinh tế có chế độ sở hữu khác nhau**, các quan hệ kinh tế ngày càng trở nên phong phú và phức tạp.

Nội dung của quan hệ kinh tế là quyền và nghĩa vụ của các chủ thể.

Các chủ thể hưởng quyền và có nghĩa vụ thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ của mình.

Tuy nhiên, trong quan hệ kinh tế, lợi nhuận vừa là động lực trực tiếp thúc đẩy hoạt động kinh tế, vừa là lý do tồn tại của các chủ thể trong kinh doanh.

Do đó, các bên có thể vì mục tiêu lợi nhuận dẫn đến phát sinh mâu thuẫn đòi hỏi phải được giải quyết thỏa đáng và đúng pháp luật.

- Từ 01/01/2005 Tranh chấp kinh tế thay thế bằng Tranh chấp kinh doanh, thương mại:

+ **Nghĩa khái quát:** là những bất đồng, xung đột chủ yếu về quyền và nghĩa vụ liên quan đến lợi ích kinh tế phát sinh giữa các chủ thể trong quá trình tiến hành các hoạt động kinh tế.

+ **Nghĩa hẹp:** là những bất đồng, xung đột chủ yếu về lợi ích kinh tế giữa các chủ thể có liên quan đến lĩnh vực hợp đồng thương mại hoặc các hoạt động kinh tế khác được pháp luật quy định là tranh chấp kinh tế thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan tài phán kinh tế.

Như vậy, có thể khái quát khái niệm tranh chấp trong hoạt động kinh doanh như sau:

Tranh chấp trong hoạt động kinh doanh là những mâu thuẫn phát sinh giữa các chủ thể kinh doanh do việc không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trong hoạt động kinh doanh.

Đặc trưng của tranh chấp trong kinh doanh là gắn liền với hoạt động kinh doanh của các chủ thể kinh doanh, đều phản ánh những xung đột về lợi ích kinh tế giữa các bên tham gia trong quan hệ kinh doanh.

2. Đặc điểm

Tranh chấp kinh doanh, thương mại có một số dấu hiệu đặc trưng sau:

+ *Thứ nhất*, tranh chấp về kinh doanh, thương mại nảy sinh trực tiếp từ các quan hệ kinh doanh và luôn gắn liền với hoạt động kinh doanh.

+ *Thứ hai*, giải quyết tranh chấp trong kinh doanh, thương mại là vấn đề do các bên tranh chấp **tự định đoạt**.

+ *Thứ ba*, các bên tranh chấp thường là chủ thể kinh doanh, có tư cách thương nhân hoặc tư cách nhà kinh doanh. (hoạt động TM một cách độc lập, thường xuyên, phải đăng ký kinh doanh).

+ *Thứ tư*, tranh chấp kinh doanh, thương mại là những tranh chấp mang yếu tố vật chất và thường có giá trị lớn.

-> Giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại là việc các bên tranh chấp thông qua hình thức, thủ tục thích hợp tiến hành các giải pháp nhằm loại bỏ những mâu thuẫn, xung đột, bất đồng về lợi ích kinh tế nhằm bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của mình.

3. Nguyên nhân:

Nguyên nhân chính dẫn đến tranh chấp trong hoạt động kinh doanh là do mâu thuẫn về quyền và nghĩa vụ.

Mục đích của hoạt động kinh doanh là vì lợi nhuận, do đó, các chủ thể vì chạy theo lợi nhuận mà không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ của mình, dẫn đến tranh chấp.

- Sự hạn chế về kiến thức pháp luật của các nhà kinh doanh. Ý thức pháp luật của các nhà kinh doanh chưa cao.

- Sự hạn chế của pháp luật: quá trình xây dựng pháp luật có thể có những hạn chế nhất định, không bao quát hết tất cả các quan hệ kinh doanh vốn rất đa dạng và phức tạp, có thể dẫn đến tranh chấp giữa các nhà kinh doanh

II. Các hình thức giải quyết tranh chấp trong kinh doanh:

Tranh chấp là hệ quả tất yếu trong hoạt động kinh doanh, có thể dẫn đến sự mất ổn định trong xã hội.

Chính vì vậy, việc giải quyết tranh chấp là một nhu cầu tất yếu, đòi hỏi pháp luật phải được xây dựng và tuân thủ một cách nghiêm minh.

Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh có thể được hiểu là cách thức, phương pháp hay các hoạt động để điều chỉnh các bất đồng, các xung đột nhằm khắc phục và loại trừ các tranh chấp đã phát sinh, nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể kinh doanh, bảo vệ trật tự kỷ cương xã hội.

1. Thương lượng:

Là hình thức các bên tranh chấp cùng nhau bàn bạc và đi đến thỏa thuận một biện pháp giải quyết tranh chấp mà không cần đến sự tác động hay giúp đỡ của người thứ ba.

Nếu các bên đạt được thỏa thuận, thỏa thuận này được xem như một hợp đồng, là sự thống nhất ý chí của các bên, các bên có nghĩa vụ phải thực hiện thỏa thuận đó.

Thương lượng là phương thức phổ biến thích hợp cho việc giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại.

Phương thức này từ lâu đã được giới thương nhân ưa chuộng, vì nó đơn giản lại không bị ràng buộc bởi các thủ tục pháp lý phiền phức, ít tốn kém hơn và nói chung không làm phương hại đến quan hệ hợp tác vốn có giữa các bên trong kinh doanh cũng như giữ được các bí mật kinh doanh.

Bản chất của thương lượng được thể hiện qua các **đặc trưng** cơ bản sau:

- **Thứ nhất**, các bên tự giải quyết gặp nhau bàn bạc, thỏa thuận... mà không cần thông qua bên thứ ba trợ giúp.

- **Thứ hai**, quá trình thương lượng không chịu sự ràng buộc bởi các quy định pháp luật.

- **Thứ ba**, việc thực thi kết quả thương lượng hoàn toàn phụ thuộc vào sự tự nguyện của các bên tranh chấp mà không có cơ chế pháp lý bảo đảm.

Ưu điểm:

- Sự thuận tiện, nhanh chóng, đơn giản, linh hoạt, hiệu quả và ít tốn kém.
- Bảo vệ uy tín cũng như bí mật trong kinh doanh của các bên

Hạn chế:

- Kết quả của thương lượng phụ thuộc vào sự hiểu biết và thái độ, thiện chí, hợp tác của các bên tranh chấp.

- Kết quả thương lượng lại không được đảm bảo bằng cơ chế pháp lý mang tính bắt buộc, mà phụ thuộc vào sự tự nguyện thi hành của các bên.

- Nhiều trường hợp vì thiếu sự thiện chí, hợp tác trong quá trình giải quyết vụ tranh chấp mà một bên đã tìm mọi cách trì hoãn quá trình thương lượng nhằm kéo dài vụ tranh chấp, nhất là khi thời **hiệu khởi kiện không còn nhiều.**

Trong thực tế, việc thương lượng thường được tiến hành ngay khi xảy ra tranh chấp, các bên thỏa thuận biện pháp giải quyết những mâu thuẫn với mục đích giữ được mối quan hệ lâu dài trong hoạt động kinh doanh.

Pháp luật Việt Nam qui định các bên trước hết phải tiến hành thương lượng, sau đó mới được tiến hành các hình thức giải quyết khác.

2. Hoà giải:

Hòa giải là hình thức giải quyết tranh chấp thông qua vai trò trung gian của bên thứ ba, hỗ trợ hoặc thuyết phục các bên tranh chấp trong việc tìm kiếm giải pháp nhằm giải quyết mâu thuẫn trong kinh doanh.

Bên trung gian không đưa ra bất kỳ quyết định nào mà chỉ hỗ trợ các bên tìm ra giải pháp hoặc đề nghị các giải pháp và thuyết phục các bên lựa chọn.

Hình thức hòa giải không do một cơ quan Nhà nước nhất định tiến hành mà có thể là tổ chức hoặc cá nhân nào đó do các bên thống nhất lựa chọn, pháp luật không qui định cụ thể.

Cũng như thương lượng, hòa giải là biện pháp tự nguyện nhưng có sự tham gia của người thứ ba vào quá trình giải quyết tranh chấp.

Bên thứ ba này không ở vị trí xung đột lợi ích đối với các bên hoặc không có những lợi ích gắn liền với lợi ích của một trong các bên trong các vụ việc đang có tranh chấp.

Bên thứ ba làm trung gian hoà giải không phải là những đại diện bất kỳ của bên nào và cũng không có quyền quyết định, phán xét như một trọng tài Ad-hoc (trọng tài vụ việc).

Bên thứ ba làm trung gian hoà giải thường phải là những cá nhân, tổ chức có trình độ chuyên môn cao và có kinh nghiệm về những vụ việc có liên quan đến các tranh chấp phát sinh.

Công việc của họ là:

- Xem xét, phân tích, đánh giá và đưa ra những ý kiến, nhận định bình luận về chuyên môn, kỹ thuật, nghiệp vụ và những vấn đề có liên quan để các bên tham khảo (chẳng hạn như: tổ chức giám định, đánh giá, tư vấn chuyên môn, tư vấn pháp lý....)

- Đề ra những giải pháp, những phương án thích hợp để các bên tham khảo lựa chọn và quyết định.

Đặc trưng:

Thứ nhất, có sự hiện diện của bên thứ ba làm trung gian để trợ giúp các bên tìm kiếm giải pháp tối ưu nhằm loại trừ tranh chấp.

Thứ hai, hòa giải không chịu sự chi phối bởi các quy định có tính khuôn mẫu, bắt buộc của pháp luật về thủ tục hòa giải.

Thứ ba, kết quả hòa giải thành được thực thi cũng hoàn toàn phụ thuộc vào sự tự nguyện của các bên tranh chấp mà không có cơ chế pháp lý nào đảm bảo thi hành những cam kết của các bên trong quá trình hòa giải.

Ưu điểm:

- Đơn giản, thuận tiện, nhanh chóng, linh hoạt, hiệu quả và ít tốn kém,

- Có sự tham gia của người thứ ba trong quá trình giải quyết tranh chấp, người thứ ba là trung gian hòa giải, có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm, am hiểu lĩnh vực và vấn đề đang tranh chấp.

- Kết quả hòa giải được ghi nhận và chứng kiến bởi người thứ ba nên mức độ tôn trọng và tự nguyện tuân thủ các cam kết đã đạt trong quá trình hòa giải.

Hạn chế:

- Kết quả hòa giải vẫn phụ thuộc vào thiện chí của các bên và sự tự nguyện thi hành của mỗi bên.
- Do có sự tham gia của người thứ ba trong quá trình hòa giải nên uy tín cũng như bí mật kinh doanh của các bên bị ảnh hưởng.
- Chi phí tốn kém hơn thương lượng vì phải trả khoản dịch vụ cho người thứ ba.

3. Giải quyết tranh chấp bằng tài phán:

a. Trọng tài thương mại:

Pháp lệnh trọng tài qui định: *Trọng tài là phương thức giải quyết tranh chấp phát sinh trong hoạt động thương mại được các bên thoả thuận và được tiến hành theo trình tự, thủ tục tổ tụng do pháp lệnh trọng tài qui định.*

Tranh chấp được giải quyết bằng trọng tài, nếu **trước hoặc sau khi xảy ra tranh chấp** các bên có thoả thuận trọng tài.

Việc giải quyết được tiến hành tại Hội đồng trọng tài do trung tâm trọng tài tổ chức hoặc tại hội đồng trọng tài do các bên thành lập theo trình tự thủ tục pháp luật qui định.

Trọng tài là hình thức giải quyết tranh chấp khá phổ biến trong kinh doanh, nhất là trong hoạt động thương mại quốc tế.

Ưu điểm của cách thức giải quyết này là các bên được đảm bảo quyền tự do định đoạt như lựa chọn trọng tài viên, địa điểm, phương thức giải quyết tranh chấp.

Ngoài ra, việc giải quyết tranh chấp bằng trọng tài có thủ tục đơn giản, ngắn gọn, có thể đảm bảo được bí mật kinh doanh.

Một số **đặc điểm** cơ bản của hình thức giải quyết tranh chấp này như sau:

Một là, Trọng tài thương mại là một loại hình tổ chức phi chính phủ (không hưởng Ngân sách Nhà nước), hoạt động theo pháp luật và quy chế Trọng tài.

Hai là, cơ chế giải quyết tranh chấp bằng Trọng tài là sự kết hợp giữa hai yếu tố thoả thuận và tài phán.

Ba là, hình thức giải quyết tranh chấp bằng Trọng tài đã đảm bảo quyền tự do định đoạt của các đương sự cao hơn so với quyết định giải quyết tranh chấp bằng Tòa án. Đó là:

- *Các đương sự có quyền lựa chọn Trọng tài viên.*
- *Các đương sự có quyền lựa chọn địa điểm giải quyết tranh chấp.*
- *Các đương sự có quyền lựa chọn quy tắc tố tụng.*
- *Các đương sự có quyền lựa chọn luật áp dụng cho tranh chấp.*

Bốn là, phán quyết của Trọng tài có giá trị chung thẩm và không thể kháng cáo trước bất cứ cơ quan, tổ chức nào. Về nguyên tắc, trọng tài không xét xử công khai, do đó ngoài nguyên đơn và bị đơn, trọng tài chỉ triệu tập các đương sự khác khi cần thiết.

Năm là, có sự hỗ trợ từ phía Tòa án trong việc đảm bảo việc thực thi các quyết định của Trọng tài. Thông qua trình tự công nhận và cho thi hành, Tòa án đảm bảo thực thi trên thực tế các quyết định của trọng tài khi một bên đương sự không tự nguyện thực hiện:

Sáu là, Trọng tài thương mại ở các nước trên thế giới chủ yếu tồn tại dưới hai dạng cơ bản: Trọng tài vụ việc (còn gọi là Ad-hoc) và Trọng tài thường trực (còn được là quy chế).

- **Trọng tài vụ việc** là hình thức trọng tài được lập ra để giải quyết những tranh chấp cụ thể khi có yêu cầu và tự giải thể khi giải quyết xong những tranh chấp đó.

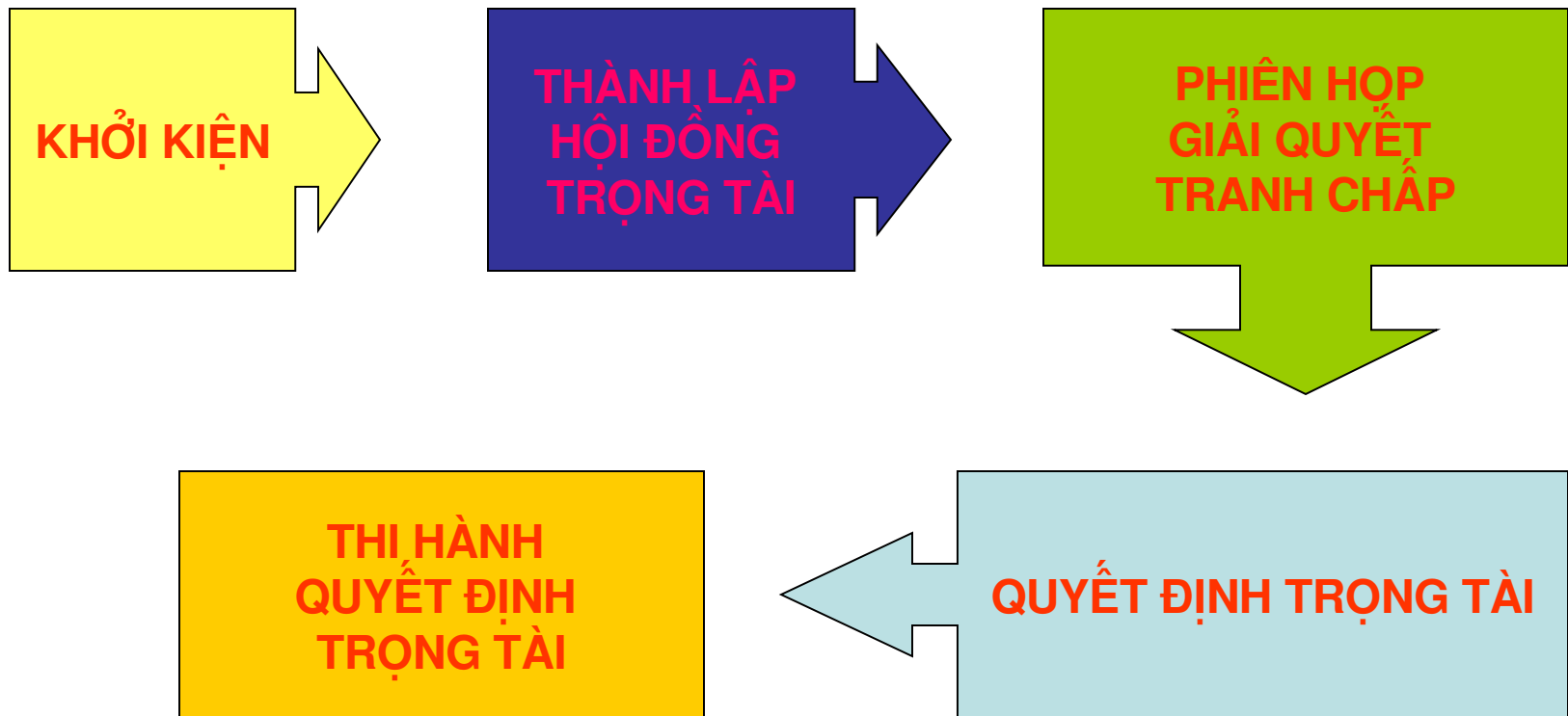
Đặc điểm cơ bản của Trọng tài vụ việc là không có trụ sở, không có bộ máy giúp việc, và không lệ thuộc vào bất cứ một quy tắc xét xử nào.

Về nguyên tắc, các bên đương sự khi yêu cầu Trọng tài Ad-hoc xét xử có quyền lựa chọn thủ tục, các phương thức tiến hành tố tụng.

- **Trọng tài thường trực** là những trọng tài có hình thức tổ chức, có trụ sở ổn định, có Danh sách Trọng tài viên, và hoạt động theo Điều lệ riêng.

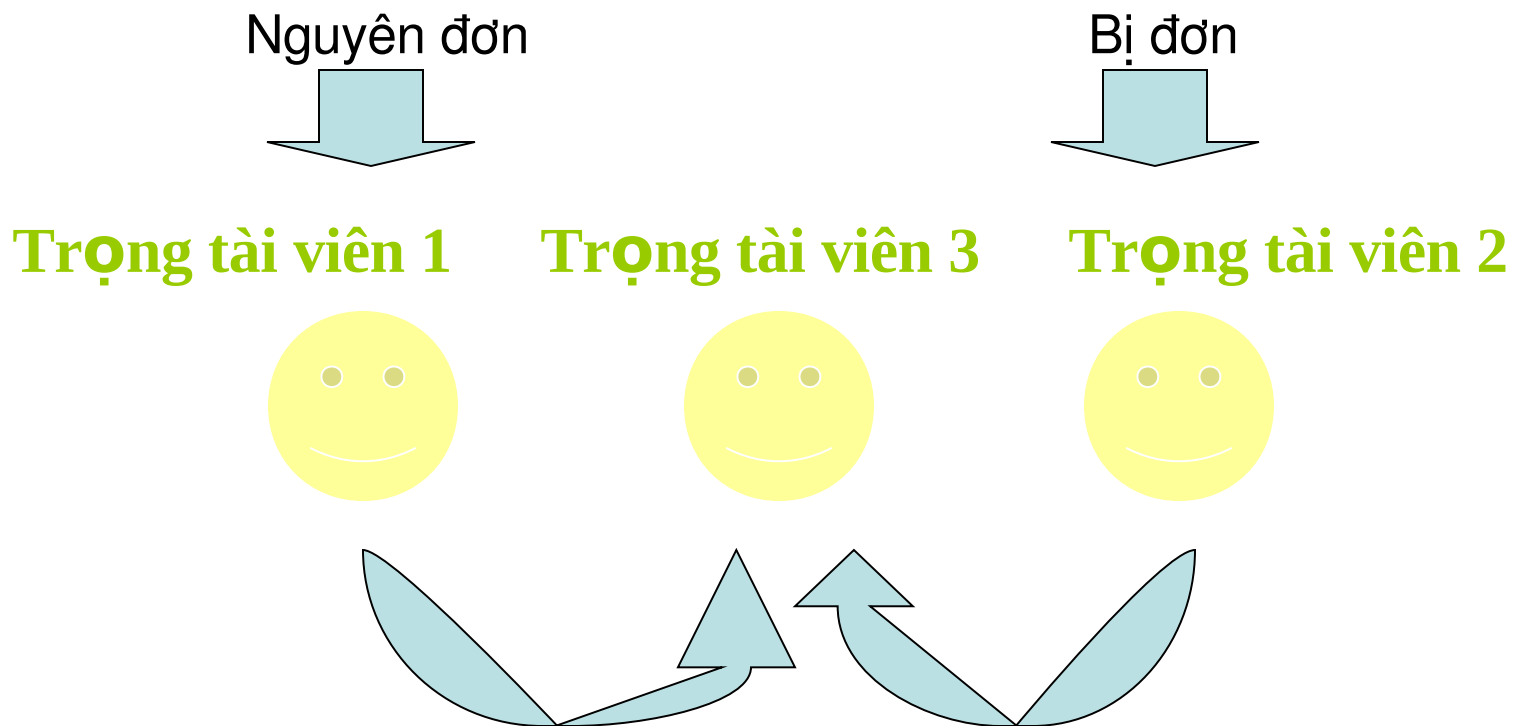
Phần lớn các tổ chức Trọng tài lớn, có uy tín trên thế giới đều được thành lập theo mô hình này dưới các tên gọi như: Trung tâm trọng tài, Ủy ban trọng tài, Viện trọng tài, Hội đồng trọng tài quốc gia và quốc tế.

Quy trình tố tụng trọng tài

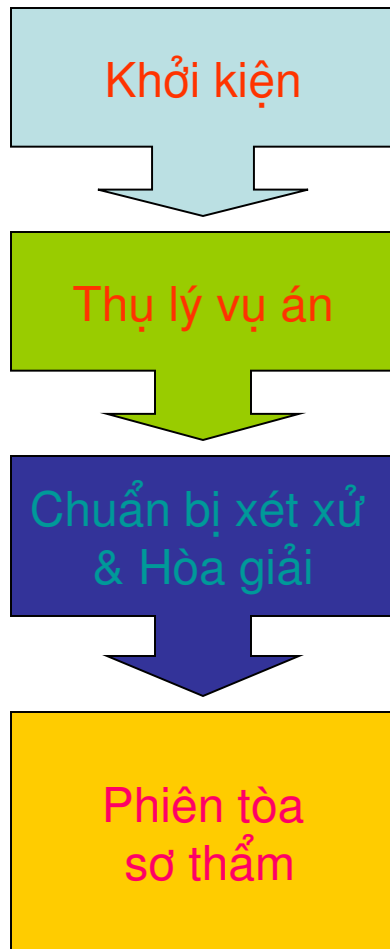


Quy trình tổ tụng trọng tài

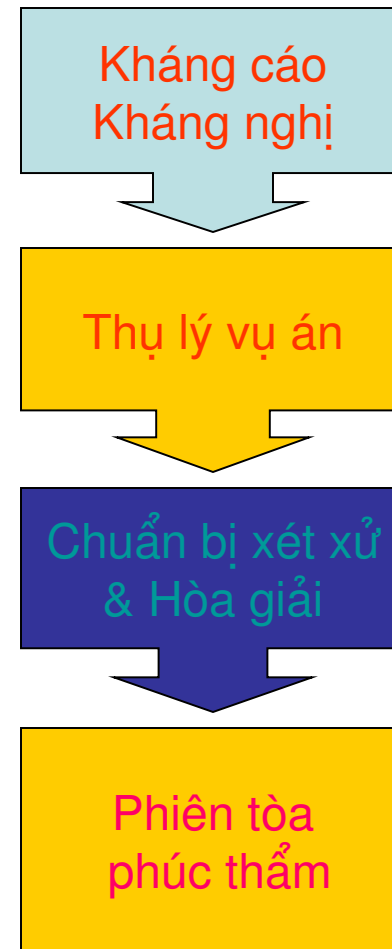
Thành lập hội đồng trọng tài

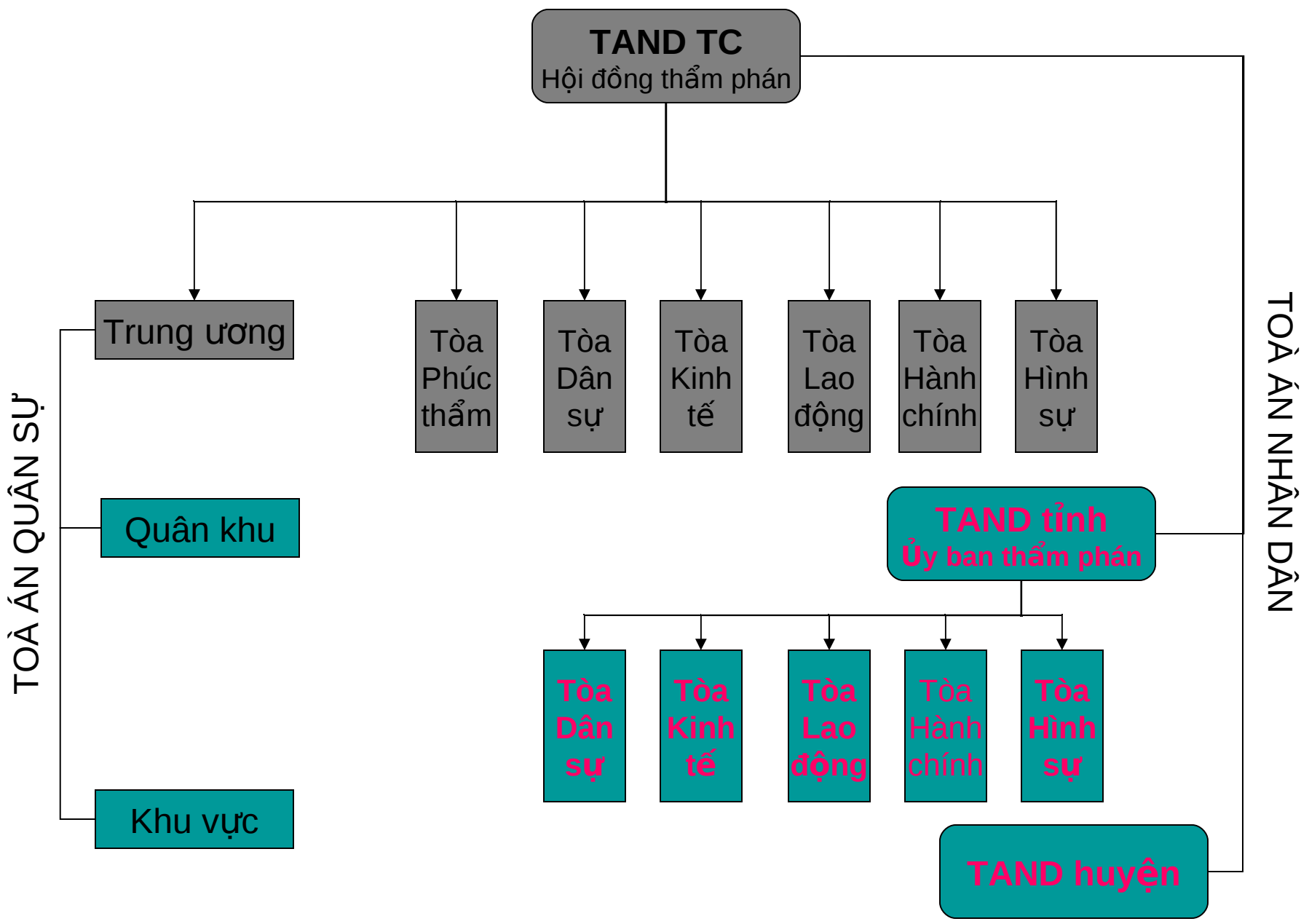


Thủ tục giải quyết vụ án tại phiên tòa sơ thẩm



Thủ tục giải quyết vụ án tại phiên tòa phúc thẩm





****/ Đơn kiện:***

Để giải quyết tranh chấp tại trung tâm trọng tài, nguyên đơn phải làm đơn kiện gửi trung tâm trọng tài. Đơn khởi kiện gồm có các nội dung chủ yếu sau:

Ngày tháng năm viết đơn;

Tên, địa chỉ các bên;

Tóm tắt nội dung vụ tranh chấp;

Các yêu cầu của các bên;

Trị giá tài sản nguyên đơn yêu cầu;

Trọng tài viên của trung tâm trọng tài mà nguyên đơn chọn.

Trong thời hạn **năm ngày** làm việc, trung tâm trọng tài phải gửi đơn kiện cho bị đơn.

Đối với giải quyết tranh chấp tại Hội đồng trọng tài do các bên thành lập, nguyên đơn phải làm đơn kiện gửi cho bị đơn. Nội dung đơn kiện giống như đối với trường hợp giải quyết tại hội đồng trọng tài do trung tâm trọng tài tổ chức.

Tổ tụng trọng tài bắt đầu từ khi trung tâm trọng tài nhận được đơn kiện của nguyên đơn hoặc từ khi bị đơn nhận được đơn kiện của nguyên đơn.

****/ Thành lập Hội đồng trọng tài giải quyết tranh chấp:***

- Thành lập Hội đồng trọng tài tại trung tâm trọng tài: trong đơn kiện gửi trung tâm trọng tài, nguyên đơn đã chọn một trọng tài viên.

Trong thời hạn **ba mươi ngày** từ ngày nhận được đơn kiện của nguyên đơn, bị đơn phải chọn trọng tài viên có tên trong danh sách trọng tài viên của trung tâm trọng tài hoặc yêu cầu Chủ tịch trung tâm trọng tài chỉ định trọng tài viên cho mình.

Trong thời hạn **mười lăm ngày** kể từ ngày hai trọng tài viên được chọn, các trọng tài viên này phải chọn trọng tài viên thứ ba làm Chủ tịch Hội đồng trọng tài.

Hết thời hạn này mà các trọng tài viên không chọn được trọng tài viên thứ ba thì Chủ tịch trung tâm trọng tài sẽ chỉ định trọng tài viên thứ ba

Các bên tranh chấp có quyền thỏa thuận chọn một trọng tài viên duy nhất giải quyết vụ tranh chấp. Trọng tài viên duy nhất làm nhiệm vụ như một Hội đồng trọng tài.

- Hội đồng trọng tài do các bên thành lập:
trong thời hạn ba mươi ngày kể từ ngày bị đơn nhận được đơn kiện của nguyên đơn, bị đơn phải chọn trọng tài viên thứ hai và thông báo cho nguyên đơn biết.

Hết thời hạn này mà bị đơn không chọn trọng tài viên thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Tòa án cấp tỉnh nơi bị đơn có trụ sở hoặc cư trú chỉ định trọng tài viên.

Trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày hai trọng tài viên đã được chọn, các trọng tài viên này phải chọn một trọng tài viên thứ ba làm Chủ tịch Hội đồng trọng tài.

Các bên có thể thỏa thuận chọn một trọng tài viên duy nhất giải quyết vụ tranh chấp.

**/ Thời hiệu khởi kiện giải quyết tranh chấp bằng trọng tài:*

- Đối với những tranh chấp pháp luật có qui định thời hiệu khởi kiện thì áp dụng thời hiệu đó.

- Đối với những tranh chấp pháp luật không có qui định thời hiệu khởi kiện thì thời hiệu khởi kiện theo hình thức trọng tài là hai năm kể từ ngày xảy ra tranh chấp, trừ trường hợp bất khả kháng.

****/ Giải quyết tranh chấp có yếu tố nước ngoài bằng trọng tài:***

Tranh chấp có yếu tố nước ngoài có thể được giải quyết tại Hội đồng trọng tài do trung tâm trọng tài tổ chức hoặc hội đồng trọng tài do các bên thành lập.

Trọng tài viên do các bên chọn hoặc được chỉ định có thể là trọng tài của các trung tâm trọng tài Việt Nam hoặc trọng tài nước ngoài.

Các bên được quyền thỏa thuận lựa chọn pháp luật hoặc áp dụng tập quán thương mại quốc tế khi giải quyết tranh chấp.

Phiên họp giải quyết vụ tranh chấp

Thời gian mở phiên họp giải quyết vụ tranh chấp do Chủ tịch Hội đồng Trọng tài quyết định.

Phiên họp giải quyết vụ tranh chấp không công khai. Trong trường hợp có sự đồng ý của các bên, Hội đồng Trọng tài có thể cho phép những người khác tham dự phiên họp

Các bên có thể trực tiếp hoặc uỷ quyền cho người đại diện tham dự phiên họp giải quyết vụ tranh chấp. Các bên có quyền mời nhân chứng, luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Nguyên tắc ra quyết định trọng tài: Quyết định trọng tài của Hội đồng Trọng tài được lập theo nguyên tắc đa số, trừ trường hợp vụ tranh chấp do Trọng tài viên duy nhất giải quyết. Ý kiến của thiểu số được ghi vào biên bản phiên họp.

Quyết định trọng tài có thể được công bố ngay tại phiên họp cuối cùng hoặc sau đó, nhưng chậm nhất là sáu mươi ngày, kể từ ngày kết thúc phiên họp cuối cùng.

Toàn văn quyết định trọng tài phải được gửi cho các bên ngay sau ngày công bố.

Hiệu lực của quyết định trọng tài

Quyết định trọng tài là chung thẩm, các bên phải thi hành, trừ trường hợp Tòa án huỷ quyết định trọng tài theo quy định của Pháp lệnh này.

Quyền yêu cầu huỷ quyết định trọng tài:
Trong thời hạn **ba mươi ngày**, kể từ ngày nhận được quyết định trọng tài nếu có bên không đồng ý với quyết định trọng tài thì có quyền làm đơn gửi Tòa án cấp tỉnh nơi Hội đồng Trọng tài ra quyết định trọng tài, để yêu cầu huỷ quyết định trọng tài

Khi xét đơn yêu cầu, Hội đồng xét xử không xét lại nội dung vụ tranh chấp mà chỉ kiểm tra hồ sơ, đối chiếu quyết định trọng tài để ra quyết định.

Căn cứ để huỷ quyết định trọng: Không có thoả thuận trọng tài; Thoả thuận trọng tài vô hiệu; Thành phần Hội đồng Trọng tài tố tụng trọng tài không phù hợp với thoả thuận của các bên; Vụ tranh chấp không thuộc thẩm quyền của hội đồng Trọng tài; Bên yêu cầu chứng minh được trong quá trình giải quyết vụ tranh chấp có Trọng tài viên vi phạm nghĩa vụ của Trọng tài viên; Quyết định trọng tài trái với lợi ích công

2.2. Tố tụng tại Tòa án:

Khái niệm: Giải quyết tranh chấp kinh doanh bằng Tòa án là hình thức giải quyết tranh chấp thông qua hoạt động của cơ quan tài phán Nhà nước, nhân danh quyền lực Nhà nước để đưa ra phán quyết buộc các bên có nghĩa vụ thi hành, kể cả bằng sức mạnh cưỡng chế.

Do đó, các đương sự thường tìm đến sự trợ giúp của Tòa án như một giải pháp cuối cùng để bảo vệ có hiệu quả các quyền, lợi ích của mình khi họ thất bại trong việc sử dụng cơ chế thương lượng hoặc hoà giải và cũng không muốn vụ tranh chấp giữa họ được giải quyết bằng con đường trọng tài.

Đặc điểm:

- *Thứ nhất*, là cơ quan tài phán nhân danh nhà nước để giải quyết tranh chấp. Do đó, phán quyết của tòa án được bảo đảm thi hành bằng sức mạnh cưỡng chế.

- *Thứ hai*, việc giải quyết tranh chấp của tòa án phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định mang tính hình thức của pháp luật tố tụng.

- *Thứ ba*, Tòa án giải quyết tranh chấp theo nguyên tắc xét xử công khai.

- *Thứ tư*, việc giải quyết tranh chấp tại tòa án có thể thực hiện qua hai cấp xét xử: sơ thẩm và phúc thẩm. Trong một số trường hợp, bản án có hiệu lực pháp luật còn có thể được xét lại theo thủ tục: giám đốc thẩm hoặc tái thẩm.

- *Thứ năm*, Tòa án giải quyết theo nguyên tắc xét xử tập thể và quyết định theo đa số.

****/ Thẩm quyền nội dung của Tòa án:***

- Tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận.

- Tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ giữa cá nhân, tổ chức với nhau và đều có mục đích lợi nhuận.

- Tranh chấp giữa công ty với các thành viên của công ty, giữa các thành viên của công ty với nhau liên quan đến việc thành lập, hoạt động, giải thể, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, chuyển đổi hình thức tổ chức của công ty.

- *Tòa án nhân dân cấp huyện.*

Tòa án nhân dân cấp huyện có thẩm quyền xét xử sơ thẩm các tranh chấp về kinh doanh, thương mại **không có yếu tố nước ngoài** sau:

*Mua bán hàng hoá; Cung ứng dịch vụ; Phân phối; Đại diện, đại lý; Ký gửi; Thuê, cho thuê, thuê mua; Xây dựng; Tư vấn, kỹ thuật; Vận chuyển hàng hoá, hành khách bằng đường sắt, đường bộ, đường thủy **nội địa**;*

- *Tòa án nhân dân cấp tỉnh*

Tòa kinh tế Tòa án nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền xét xử sơ thẩm tất cả các tranh chấp về kinh doanh, thương mại, trừ tranh chấp thuộc thẩm quyền của Tòa án cấp huyện.

Tranh chấp có yếu tố nước ngoài.

Tranh chấp về vận chuyển hàng hóa, hành khách bằng đường hàng không, đường biển; mua bán cổ phiếu, trái phiếu và giấy tờ có giá khác; đầu tư, tài chính, ngân hàng; bảo hiểm; thăm dò, khai thác.

Khi cần thiết, Tòa kinh tế Tòa án nhân dân cấp tỉnh có thể lấy lên để giải quyết theo thủ tục sơ thẩm các tranh chấp thuộc thẩm quyền của Tòa án cấp huyện.

Ngoài thẩm quyền xét xử sơ thẩm, Tòa kinh tế Tòa án nhân dân cấp tỉnh còn có thẩm quyền xét xử phúc thẩm đối với những vụ án mà bản án, quyết định sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật của Tòa án cấp huyện bị kháng cáo, kháng nghị.

Ủy ban thẩm phán Tòa án nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm.

- Tòa án nhân dân tối cao

Tòa phúc thẩm có thẩm quyền xét xử phúc thẩm đối với những vụ án mà bản án, quyết định sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật của Tòa án cấp tỉnh bị kháng cáo, kháng nghị.

Tòa kinh tế có thẩm quyền xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm những vụ án mà bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân cấp tỉnh bị kháng nghị theo trình tự tố tụng.

Hội đồng thẩm phán có thẩm quyền xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm đối với những vụ án mà bản án, quyết định của các Tòa thuộc Tòa án nhân dân tối cao bị kháng nghị theo trình tự tố tụng.

***/ Thẩm quyền theo lãnh thổ**

Tòa án có thẩm quyền xét xử sơ thẩm tranh chấp về kinh doanh, thương mại là Tòa án nơi bị đơn cư trú, làm việc (nếu bị đơn là cá nhân) hoặc nơi bị đơn có trụ sở (nếu bị đơn là cơ quan, tổ chức). Tòa án nơi có bất động sản có thẩm quyền giải quyết những tranh chấp về bất động sản.

Ngoài ra, pháp luật còn cho phép đương sự có quyền thỏa thuận với nhau bằng văn bản yêu cầu Tòa án nơi cư trú, làm việc của nguyên đơn hoặc nơi có trụ sở của nguyên đơn giải quyết những tranh chấp về kinh doanh, thương mại.

Việc cho phép các đương sự được thỏa thuận chọn Tòa án nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở của nguyên đơn giải quyết vụ tranh chấp là xuất phát từ quan điểm tôn trọng tối đa quyền định đoạt của các đương sự và tạo điều kiện thuận lợi nhất cho các bên trong quá trình giải quyết tranh chấp.

** / Thẩm quyền theo sự lựa chọn của nguyên đơn.*

Để thuận lợi nhất cho nguyên đơn trong việc giải quyết vụ tranh chấp cũng như xác định thẩm quyền của Tòa án cụ thể, pháp luật dành cho nguyên đơn được quyền chọn Tòa án để giải quyết vụ tranh chấp. Trong những trường hợp sau đây:

- *Nếu không biết nơi cư trú, làm việc, trụ sở của bị đơn thì nguyên đơn có thể yêu cầu Tòa án nơi bị đơn cư trú, làm việc, có trụ sở cuối cùng hoặc nơi bị đơn có tài sản giải quyết;*

- Nếu tranh chấp phát sinh từ **chi nhánh** tổ chức thì nguyên đơn có thể yêu cầu Tòa án nơi tổ chức có trụ sở hoặc nơi tổ chức có chi nhánh giải quyết;

- **Nếu bị đơn không có nơi cư trú, làm việc, trụ sở ở Việt Nam** thì nguyên đơn có thể yêu cầu **Tòa án nơi mình cư trú, làm việc giải quyết;**

- Nếu tranh chấp phát sinh từ quan hệ hợp đồng thì nguyên đơn có thể yêu cầu **Tòa án nơi hợp đồng được thực hiện giải quyết;**

- Nếu các bị đơn cư trú, làm việc, có trụ sở ở nhiều nơi khác nhau thì nguyên đơn có thể yêu cầu Tòa án nơi một trong các bị đơn cư trú, làm việc, có trụ sở giải quyết;

- Nếu tranh chấp bất động sản mà bất động sản có ở nhiều địa phương khác nhau thì nguyên đơn có thể yêu cầu Tòa án nơi có một trong các bất động sản giải quyết.

*** / Thủ tục tố tụng**

Thủ tục giải quyết tranh chấp về kinh doanh, thương mại tại Tòa án gồm có:

- Thủ tục giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, gồm có: khởi kiện và thụ lý vụ án; hòa giải và chuẩn bị xét xử; phiên tòa sơ thẩm.

- Thủ tục giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Thủ tục xét lại bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật, bao gồm: thủ tục giám đốc thẩm và thủ tục tái thẩm.

Các nguyên tắc cơ bản trong giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại tại tòa án.

- Nguyên tắc tôn trọng quyền tự định đoạt của đương sự

- Nguyên tắc hòa giải

- Nguyên tắc đương sự có nghĩa vụ chứng minh

- Nguyên tắc bình đẳng về quyền và nghĩa vụ trong tố tụng dân sự

- Nguyên tắc bảo đảm quyền bảo vệ của đương sự.